

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 30-10-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 - QUÂN KHU 9

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thiếu tá Lê Thanh Nhựt.

Các Hội thẩm quân nhân:

1. Thiếu tá Phạm Huy Xuân;
2. Thiếu tá Nguyễn Hoàng Em.

Thư ký phiên tòa: Đại úy Nguyễn Thị Kim Phụng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 9.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91 tham gia phiên tòa: Thiếu tá Lê Văn Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 2 - Quân khu 9. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kiều K, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1994, tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng của Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V; trình độ văn hóa: lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Thị N; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; bị khởi tố ngày 03 tháng 7 năm 2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V, có ông Huỳnh Trọng K, sinh năm: 1985; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Bưu chính C, được Tổng giám đốc ủy quyền tham gia phiên tòa, tại giấy ủy quyền số 3296/GUQ-VTP-PC ngày 29 tháng 10 năm 2018; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị T; có mặt.
2. Tạ Vũ L; có mặt.
3. Huỳnh Trọng K; có mặt.

4. Nguyễn Thị Hồng H; vắng mặt.
5. Phạm Thị N; có mặt.
6. Nguyễn Thị Bích K; vắng mặt.
7. Nguyễn Thái K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kiều K là nhân viên ký hợp đồng dịch vụ có thời hạn (từ ngày 01/02/2018 đến 30/4/2018) với Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V làm việc tại Bưu cục N, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với chức danh là nhân viên chăm sóc khách hàng kiêm thủ quỹ của Bưu cục. Vào khoảng 20 giờ, ngày 27 tháng 4 năm 2018, Nguyễn Thị Kiều K tiến hành thu nhận tiền công nợ của Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V từ 06 (sáu) nhân viên bán hàng của Bưu cục N thu được trong ngày để tổng hợp, quản lý và nộp về Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V theo quy định với tổng số tiền 89.596.000 đồng. Cụ thể thu của Lưu Thị Hồng T 12.994.000 đồng; Trần Tuấn S 6.859.000 đồng; Bùi Nhật K 16.304.000 đồng; Trần Thị Thùy N 12.707.000 đồng; Trần Quốc Kh 5.782.000 đồng và Nguyễn Thị T 34.950.000 đồng. K phân chia số tiền của các nhân viên thành từng cọc riêng biệt, đến khoảng 21 giờ cùng ngày K đã lấy cọc tiền 34.950.000 đồng của nhân viên Nguyễn Thị T đã giao cho K trước đó để vào cặp da mang về nhà cất giấu, số tiền thu được của 05 nhân viên còn lại K cất vào trong két sắt để tại Bưu cục. Sáng hôm sau (ngày 28/4/2018) trước khi đi làm, K lấy tiền đã chiếm đoạt được trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng H 4.000.000 đồng; trả cho em gái Nguyễn Thị Bích K 2.000.000 đồng; đưa cho em trai Nguyễn Thái K 4.700.000 đồng và cầm theo 2.050.000 đồng để chuẩn bị đi làm. Số tiền còn lại là 22.200.000 đồng K cất trong tủ quần áo cá nhân tại gia đình rồi đến Bưu cục làm việc bình thường. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày K đã gọi điện thoại báo cho anh Tạ Vũ L (Trưởng Bưu cục N) rằng số tiền 34.950.000 đồng cất trong két sắt tại Bưu cục bị mất để che giấu hành vi phạm tội của mình. Quá trình kiểm tra, xác minh bằng các biện pháp nghiệp vụ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn thì Nguyễn Thị Kiều K đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền trên tại Bưu cục N, Chi nhánh Bưu chính C, Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kiều K đã khai nhận, trong quá trình làm việc do năng lực yếu đã làm thất thoát tiền của Bưu cục, nên khi nhận tiền công nợ từ các nhân viên bán hàng về với tổng số tiền 89.596.000 đồng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Chính vì vậy, vào khoảng 21 giờ ngày 27 tháng 4 năm 2018 bị cáo đã lấy cọc tiền mà nhân viên Nguyễn Thị T đã nộp về trước đó là 34.950.000 đồng bỏ vào cặp da mang về nhà cất vào tủ cá nhân của gia đình. Sáng hôm sau (ngày 28/4/2018) bị cáo đem tiền đi trả nợ. Cụ thể là trả cho cô Nguyễn Thị Hồng H gần nhà 4.000.000 đồng; trả cho

em gái Nguyễn Thị Bích K 2.000.000 đồng; đưa cho em trai Nguyễn Thái K 4.700.000 đồng để đi chuộc lại chiếc nhẫn mà bị cáo đã mượn trước đó để đi cầm và mang theo 2.050.000 đồng để đi làm. Số còn lại bị cáo cất trong tủ quần áo tại nhà rồi đến Bưu cục làm việc bình thường. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo báo cho cấp trên là anh Tạ Vũ L và anh Huỳnh Trọng K (Giám đốc Chi nhánh C) rằng bị mất trộm số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình.

Bị hại có lời khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa: Vào ngày 27 tháng 4 năm 2018 Nguyễn Thị Kiều K là nhân viên chăm sóc khách hàng kiêm thủ quỹ làm việc tại Bưu cục Năm Căn, sau khi nhận tiền từ các nhân viên bán hàng về có trách nhiệm tổng hợp, quản lý và nộp vào tài khoản Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V. Nhưng K đã chiếm đoạt số tiền 34.950.000 đồng của nhân viên Nguyễn Thị T nộp trước đó, số tiền mà K chiếm đoạt là tiền của Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V và yêu cầu Nguyễn Thị Kiều K phải bồi thường thiệt hại, đồng thời đề nghị xử lý bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng Nguyễn Thị T có lời khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa: Vào khoảng 20 giờ ngày 27 tháng 4 năm 2018 sau khi chốt đơn hàng lại với tổng số tiền là 34.950.000 đồng tôi đã giao cho chị Nguyễn Thị Kiều K là thủ quỹ của Bưu cục cất giữ, việc giao nhận có ghi vào sổ và chị K có ký nhận rõ ràng, sau khi giao tiền xong tôi về nhà, sau này tôi mới biết là số tiền tôi bàn giao đã bị chị K chiếm đoạt.

Những người làm chứng Huỳnh Trọng K và Tạ Vũ L có lời khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa: Vào khoảng hơn 09 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2018 có nhận được điện thoại của Nguyễn Thị Kiều K báo tiền công nợ để trong két sắt tại Bưu cục bị mất, số tiền bị mất là 34.950.000đ đồng là cọc tiền của nhân viên Nguyễn Thị T thu về nộp. Sự việc được báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Năm Căn để giải quyết. Quá trình làm việc với Công an thì Nguyễn Thị Kiều K đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền trên.

Những người làm chứng Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Thị Bích K và Nguyễn Thái K có lời khai tại Cơ quan điều tra: Vào khoảng 07 giờ ngày 28 tháng 4 năm 2018 thì Nguyễn Thị Kiều K có trả lần lượt cho Nguyễn Thị Hồng H là 4.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bích K 2.000.000 đồng và đưa cho Nguyễn Thái K 4.700.000đ đồng cùng tờ giấy cầm đồ để đi chuộc lại chiếc nhẫn mà chị Kiều K đã mượn trước đó, còn số tiền này ở đâu mà Kiều K có thì tất cả đều không hay biết. Sau khi sự việc xảy ra, biết tiền mà Kiều K trả cho mình là tiền đã chiếm đoạt của Bưu cục N, thì tất cả đã nộp lại số tiền trên cho Cơ quan điều tra (BL: 100, 111 và 118).

Người làm chứng Phạm Thị N có lời khai tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa: Tôi là mẹ ruột của Nguyễn Thị Kiều K, bản thân tôi không hề hay biết Kiều K đã chiếm đoạt số tiền 34.950.000 đồng của Bưu cục N. Đến khi Kiều K dẫn Cơ quan Công an về nhà chỉ chỗ cất giấu số tiền còn lại 22.200.000 đồng thì tôi mới hay biết sự việc. Hiện tại Kiều K đã trả nợ cho cô H, em gái

Bích K và em trai Thái K, với tổng số tiền 10.700.000đ đồng những người này khi hay biết sự việc cũng đã nộp lại số tiền trên cho Cơ quan điều tra, số tiền còn lại thâm hụt là 2.050.000 đồng tôi đã khắc phục cho con tôi.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V có đơn đề nghị khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Thị Kiều K vì đã có hành vi chiếm đoạt số tiền 34.950.000 đồng của Tổng Công ty.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSQSKV91 ngày 05 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91 truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kiều K về tội: “Tham ô tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Nguyễn Thị Kiều K về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 38; các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều K từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 5 Điều 353, điểm a khoản 2 Điều 32, Điều 41 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính từ 01 (một) đến 02 (hai) năm.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả giữa bị cáo và gia đình đối với bị hại là Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V số tiền 34.950.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc cặp da màu nâu đen, kích thước (23x27) cm là công cụ mà bị cáo đã bỏ tiền chiếm đoạt vào để mang về nhà cất giấu. Ghi nhận việc trả lại tài sản cho ông Nguyễn Thái K 01 (một) chiếc nhẫn dạng tròn, bằng kim loại màu vàng, trọng lượng chưa xác định, bên trong chiếc nhẫn có ghi Hòa Thành 97%, 1,5 chỉ tại Quyết định xử lý số 03/QĐ-XLĐT ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2, Các tổ chức sự nghiệp - Bộ quốc phòng.

Bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng, nên không tranh luận gì.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại nhất trí với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải về việc làm sai phạm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có cha mẹ bệnh không ai chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 Các tổ chức sự nghiệp - Bộ quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 91, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Kiều K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, như: Việc bị cáo thu nhận tiền từ các nhân viên bán hàng trong ngày 27 tháng 4 năm 2018 với tổng số tiền 89.596.000 đồng, quá trình giao nhận có ghi sổ sách và ký nhận rõ ràng. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là nhân viên chăm sóc khách hàng kiêm thủ quỹ của Bưu cục N sau khi thu tiền từ các nhân viên bán hàng về nộp, bị cáo có trách nhiệm tổng hợp, quản lý và nộp vào tài khoản của Tổng công ty, nhưng bị cáo không làm việc đó, mà ngược lại bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 34.950.000 đồng của nhân viên Nguyễn Thị T đã nộp cho bị cáo, để mang về nhà cất giấu, rồi sáng hôm sau dùng số tiền đó đi trả nợ và chi xài cá nhân. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kiều K phạm tội “Tham ô tài sản” theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bưu cục N; ảnh hưởng đến trật tự quản lý tài chính trong doanh nghiệp. Xuất phát từ nguyên nhân Nguyễn Thị Kiều K có ý thức chấp hành pháp luật kém, chỉ vì trong lúc bản thân gặp khó khăn về tài chính, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là thu, tổng hợp và quản lý tiền của Bưu cục N để nộp về cho Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V; muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài mà không phải bỏ công lao động một cách chân chính, K đã chiếm đoạt số tiền mà nhân viên bán hàng Nguyễn Thị T đã giao nộp trước đó là 34.950.000 đồng; hành vi của bị cáo đã làm xấu đi hình ảnh tốt đẹp của người cán bộ, nhân viên Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V thuộc Tập đoàn Công nghiệp, Viễn thông Q. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy, cần xử lý bị cáo đúng quy định của pháp luật để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã chủ động và hợp tác với Cơ quan điều tra, nên tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và hoàn trả lại cho chủ sở

hữu, đồng thời mẹ của bị cáo là bà Phạm Thị N cũng đã khắc phục hậu quả số tiền bị thâm hụt (2.050.000 đồng) cho bị cáo. Tuy nhiên, trong trường hợp này bị cáo có đủ điều kiện để chiếm đoạt số tiền lớn hơn (89.596.000 đồng), nhưng bị cáo chỉ lấy số tiền 34.950.000 đồng để đem về nhà cất giấu, thiệt hại về tài sản là không lớn và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Tổng công ty. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đối chiếu điểm c mục 5 Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 (nay là khoản 2 Điều 51 BLHS) là có căn cứ. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét toàn diện nội dung của vụ án, do bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 BLHS, nên Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp của bị cáo đã thỏa mãn điều kiện áp dụng khoản 3 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ để cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong trường hợp này bị cáo có thể được áp dụng Điều 65 BLHS cho hưởng án treo. Nhưng, hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Đối chiếu với quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, thì hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp được cho hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành người có ích cho xã hội sau này. Xét thấy, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính một thời gian nhất định đối với bị cáo. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị Hồng H, bà Nguyễn Thị Bích K và ông Nguyễn Thái K đã nhận tiền trả nợ của bị cáo từ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V. Tuy nhiên, khi nhận tiền từ bị cáo những người này hoàn toàn không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; đồng thời cũng không xúi giục bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với họ.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo và gia đình đã chủ động giao nộp toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 34.950.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho Tổng Công ty cổ phần Bưu chính V tại Biên bản giao nhận tiền ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan điều tra với đại diện bị hại. Căn cứ khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự, xét thấy

việc bồi thường đó là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc cặp da màu nâu đen, kích thước (23x27) cm, tại Biên bản thu giữ vật chứng ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Công an thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Là công cụ mà bị cáo đã bỏ tiền chiếm đoạt vào mang về nhà cất giấu.

Ghi nhận việc trả lại tài sản cho ông Nguyễn Thái K 01 (một) chiếc nhẫn dạng tròn, bằng kim loại màu vàng, trọng lượng chưa xác định, bên trong chiếc nhẫn có ghi Hòa Thành 97%, 1,5 chỉ tại Quyết định xử lý số 03/QĐ-XLĐT ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2, Các tổ chức sự nghiệp - Bộ quốc phòng. Đối chiếu với Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì bị cáo Nguyễn Thị Kiều K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kiều K phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều K 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 353; điểm a khoản 2 Điều 32; Điều 41 Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo Nguyễn Thị Kiều K đảm nhiệm chức vụ có liên quan đến công tác quản lý tài chính trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo và gia đình đã chủ động giao nộp đủ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 34.950.000 (Ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho bị hại.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án, tại Biên bản thu giữ vật chứng ngày 28 tháng 4 năm 2018.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Thị Kiều K phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30 tháng 10 năm 2018) bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 9./.

Nơi nhận:

- VKSQSKV91, VKSQSQK9;
- CQĐTHSKV2, CTCSN-BQP;
- Phòng THA-QK9;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: THS, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thiếu tá Lê Thanh Nhựt